TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thúy Hằng
2. Ông Phan Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị M, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố A , phường T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2.Bị đơn: anh Lê Duy T, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố P, phường D, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – chị Phạm Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Duy T chung sống với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, T tình không hợp nhau, thường xuyên cải nhau. Chị và anh T sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê

Duy T.

Về con chung: Chị và anh T có với nhau 01 con chung tên A - sinh ngày 31/12/2020. Hiện nay, con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Lê Duy T đã được tống đạt hợp lệ theo quy đinh pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M đối với anh Lê Duy T.

+ Về con chung: giao cháu A, sinh ngày 31/12/2020 cho chị Phạm Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh Lê Duy T cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Án phí được T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Lê Duy T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: chị Phạm Thị M và anh Lê Duy T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2019 nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp.

[2.2] Về xác định mâu thuẫn: chị M trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, T tình không hợp nhau, thường xuyên cải nhau và sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh T không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị M yêu cầu ly hôn, xem như anh T không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ với chị M. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[2.3] Về con chung: Chị M và anh T có với nhau 01 con chung tên A- sinh ngày 31/12/2020. Hiện nay, con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị M. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu A nên xét thấy cần tiếp tục giao cháu A cho chị M trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị M không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị M xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010605 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Phạm Thị M với anh Lê Duy T.

Về hôn nhân: cho chị Phạm Thị M được ly hôn đối với anh Lê Duy T.

Về con chung: giao con chung là A - sinh ngày 31/12/2020 cho chị Phạm Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có

quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: chị M không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị M xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đạ nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010605 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh
- Các đương sự
- UBND phường D;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Mai